

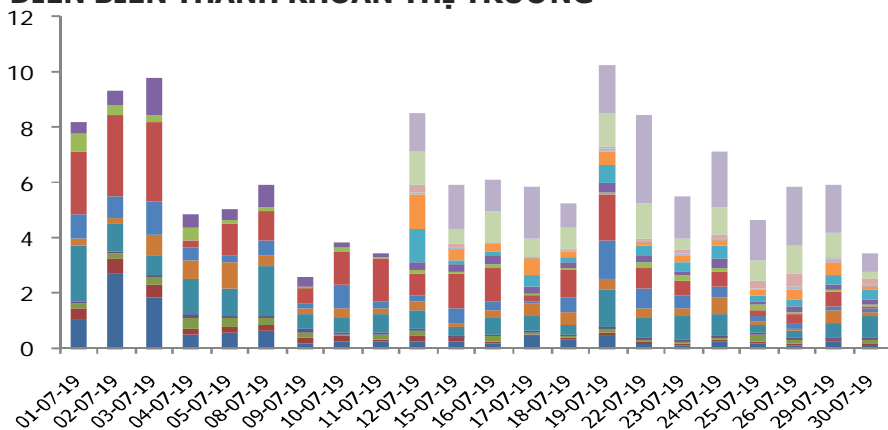
COVERED WARRANTS – ÁP LỰC CẮT LỖ DÂNG CAO

MBS Research | BẢN TIN COVERED WARRANTS | 30/07/2019

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CW

Số lượng mã CW	16
Số lượng mã cổ phiếu cơ sở	6
Phân bù rủi ro bình quân	18,79
Tỷ lệ đòn bẩy bình quân	4,88x
Ngày giao dịch cuối cùng trung bình	2-11-2019

DIỄN BIẾN THANH KHOẢN THỊ TRƯỜNG



5 MÃ CW CÓ TỔNG ĐIỂM CHẤT LƯỢNG CAO NHẤT

Mã CW	Điểm chất lượng					Tổng điểm
	Q(E)	Q(S)	Q(T)	Q(I)	Q(P)	
CMBB1901	4	4	4	4	4	4,8
CFPT1903	4	4	4	4	4	4,4
CFPT1902	4	4	4	4	4	4,4
CMWG1904	4	4	4	4	4	4,2
CMWG1902	4	4	4	4	4	4

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

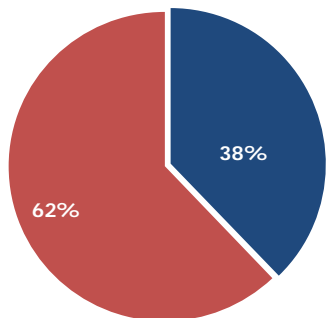
- Thị trường cơ sở vượt ngưỡng tâm lý không thành công và gặp áp lực chốt lời trên diện rộng đã khiến 5/6 mã cơ sở ở thị trường chứng quyền giảm điểm. Các mã CW theo đó cũng đồng loạt giảm điểm trên diện rộng, đây cũng là phiên giảm mạnh nhất kể từ phiên giao dịch đầu tiên nếu tính trên số mã giảm. Thanh khoản thị trường phiên này cũng thấp nhất trong 13 phiên. Khối ngoại vẫn bán ròng chủ yếu ở CHPG1902 và CVNM190.
- Dừng lúc đóng cửa, đã có hơn 1,35 triệu chứng quyền được chuyển nhượng thành công với giá trị giao dịch đạt khoảng 3,45 tỷ đồng. So với phiên hôm qua, khối lượng CW giảm 12% và giá trị giao dịch cũng giảm tới 42%. Áp lực chốt lời trên diện rộng đã khiến độ rộng thị trường chỉ còn 1 mã tăng, trong khi có tới 14 mã giảm và 1 mã giữ tham chiếu. Thanh khoản quy đổi ở các mã tăng chỉ chiếm 3,3% toàn thị trường so với mức 96% ở các mã giảm.
- Thanh khoản quy đổi phiên này tập trung chủ yếu ở mã CMBB1901 chiếm 45% toàn thị trường, đây cũng là mã có mức giảm mạnh thứ 2 sau CHPG1905 và chuỗi giảm đã lan sang phiên thứ 5 liên tiếp.
- Theo thống kê, cho tới nay chỉ còn 9 mã CW tăng và 7 mã CW giảm so với phiên chào sàn. Trong 7 mã giảm thì có tới 5 mã thuộc HPG và trong 6 mã niêm yết lần 2 đã có tới 3 mã giảm.
- Đáng chú ý là trong 3 phiên vừa qua, thị trường CW đã giảm trên diện rộng với số mã giảm bình quân là 13 và số mã tăng chỉ là 2 mã. Đây cũng là phiên thứ 2 liên tiếp, số lượng CW về tài khoản sau 1 vòng quay âm, tăng từ mức bình quân 0,64% lên 9,71% trong phiên hôm nay. Bên cạnh đó, thanh khoản toàn thị trường cũng đang trong xu hướng giảm, so với bình quân 5 phiên liên trước thì khối lượng giao dịch giảm 14% trong khi giá trị giao dịch giảm 41%. Các tín hiệu trên cho thấy áp lực cắt lỗ sẽ ngày càng gia tăng trong bối cảnh thanh khoản sụt giảm. Do vậy, chúng tôi không khuyến nghị đối với mã CW nào trong bản tin ngày hôm nay.

THÔNG TIN	CFPT1902
Cổ phiếu cơ sở	FPT
Giá thực hiện	46000 đồng (ITM 3,77%)
Tỷ lệ thực hiện	1:1
Ngày giao dịch cuối cùng	26-9-2019
Số ngày còn lại	62 ngày

CHỈ SỐ KỸ THUẬT - CFPT1902

Tiêu chí	Điểm chất lượng
Đòn bẩy hiệu quả	5,71 lần
Độ nhạy	1,14
Hao mòn thời gian	-0,01%
Độ biến động nội hàm	56,37%
Phần bù rủi ro	6,19%
Tổng điểm chất lượng	Tốt ★ ★ ★ ★
Phù hợp	
Nhà đầu tư ngắn hạn (≤5 ngày)	✔
Nhà đầu tư trung dài hạn (>5 ngày)	✔

CẤU THÀNH GIÁ TRỊ



■ Giá trị nội tại (VND)
■ Giá trị thời gian (VND)

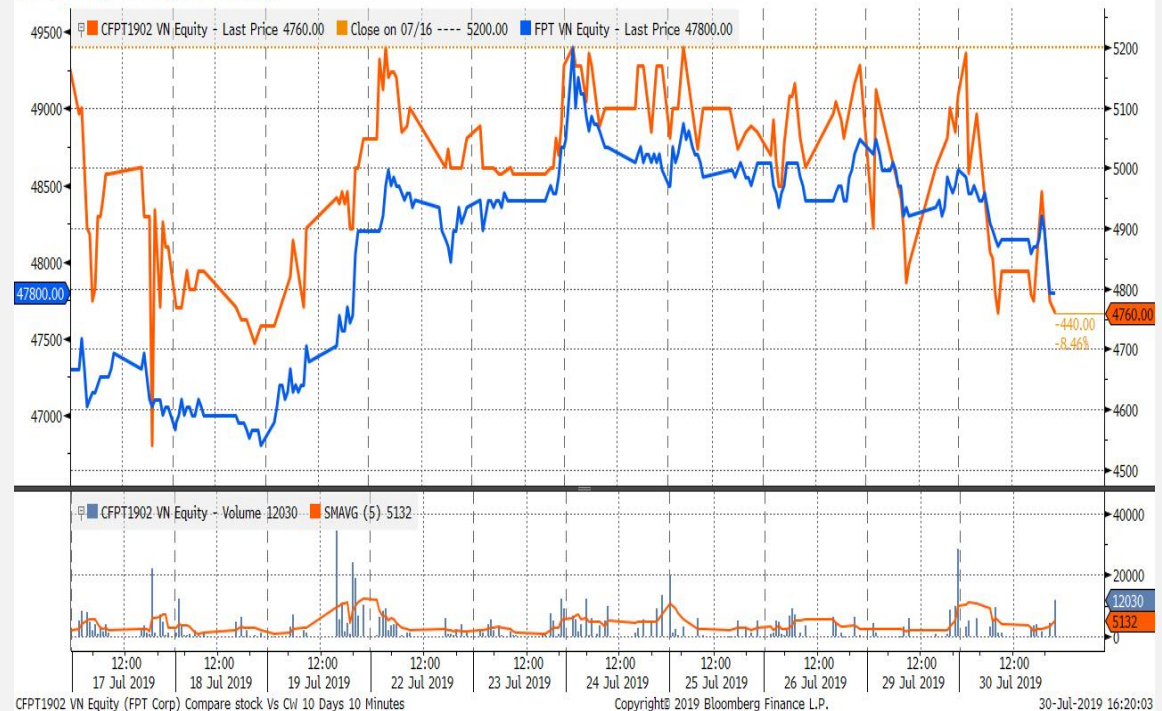
THÔNG TIN CHỨNG QUYỀN

Chúng tôi cập nhật thông tin CW CFPT1902 như sau:

- CW đang ở trạng thái ITM 3,77 %, với đòn bẩy hiệu quả đang ở mức 5,71 lần (cao thứ 3 trong số 16 CW). Độ biến động nội hàm của CFPT1902 đang ở mức tương đối thấp – 56,37%. Phần bù rủi ro thấp thứ 3 trong số 16 CW, hiện đang ở mức 6,19%.
- Về kỹ thuật, cổ phiếu FPT duy trì trend tăng trong trung hạn, các chỉ báo kỹ thuật cho tín hiệu mua củng cố đà tăng giá của cổ phiếu.
- Về cơ bản, bằng phương pháp định giá so sánh P/E và chiết khấu dòng tiền, chúng tôi định giá cổ phiếu FPT với giá mục tiêu 1 năm là 55.400 đồng (tăng 15,89% so với giá ngày 30/07).

ĐỒ THỊ CHỨNG QUYỀN

Diễn biến giá CPCS và Chứng quyền
So sánh giá FPT và CFPT1902



CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

FPT	2016	2017	2018	Q1 2019
Doanh thu (tỷ vnd)	39.531	42.659	23.214	5.666
Lãi ròng (tỷ vnd)	1.991	2.932	2.620	626
EPS (vnd)	4.333	5.521	4.270	
ROA()	7,1%	10,7%	9,6%	
ROE()	18,4%	23,8%	18,7%	
P/E (lần) (TTM EPS)	10,69	8,39	10,84	12,03
P/B (lần) (TTM BVPS)	2,23	2,15	2,28	2,28

CHỈ TIÊU KỸ THUẬT

Các đường trung bình động		Chỉ báo kỹ thuật		Hành động
Kỳ	SMA	EMA	RSI(14)	Buy
MA5	48,490	48,279	STOCH(9,6)	Overbought
	Sell	Sell	STOCHRSI(14)	Oversold
MA10	48,165	48,126	MACD(12,26)	Buy
	Sell	Sell	ADX(14)	Sell
MA20	47,535	47,546	Williams %R	Overbought
	Buy	Buy	CCI(14)	Neutral
MA50	46,015	46,189	ATR(14)	Less Volatility
	Buy	Buy	Highs/Lows(14)	Neutral
MA100	44,214	44,494	Ultimate Oscillator	Neutral
	Buy	Buy	ROC	Buy
MA200	41,306	42,943	Bull/Bear Power(13)	Buy
	Buy	Buy		
Buy:08; Sell: 4;		Buy: 4; Sell: 1; Neutral: 3		
Summary: BUY		Summary: BUY		

NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU CƠ SỞ - FPT

- FPT là doanh nghiệp đi đầu trong cách mạng 4.0: (i) tiến hành vận hành xe tự lái tại Ecopark hợp tác với yamaha; (ii) Bổ sung 3 chuyên ngành mới như IoT; trí tuệ nhân tạo và Digital Marketing tại đại học FPT liên kết với đại học công nghệ Swinburne là trường top 10 về công nghệ tại Úc.
- Xuất khẩu phần mềm tiếp tục là động lực tăng trưởng chính của FPT với tốc độ tăng trưởng bình quân 20%/năm. Các hoạt động M&A đảm bảo FPT cung cấp các giải pháp công nghệ tổng thể với giá trị cao hơn và toàn diện hơn.
- 6T2019 doanh thu FPT đạt 12.492 tỷ đồng tăng trưởng 22,2% và LNST đạt 1.780 tỷ đồng tăng trưởng 26,1% so với cùng kỳ năm trước. EPS 6 tháng đạt 2.097 đồng tăng 28%. Khối Công nghệ ghi nhận DT và LNTT đạt lần lượt 6.964 tỷ đồng và 855 tỷ đồng, tăng tương ứng 27,6% và 44,4% so với cùng kỳ. Thị trường nước ngoài mang về cho FPT 5.208 tỷ đồng DT, tăng 34,0% và 802 tỷ đồng LNTT tăng 36,1%
- Bảng phương pháp định giá so sánh P/E và chiết khấu dòng tiền, chúng tôi định giá cổ phiếu FPT với giá mục tiêu 1 năm là 55.400 đồng (tăng 15,89% so với giá ngày 30/07).

ĐỒ THỊ CỔ PHIẾU CƠ SỞ - FPT

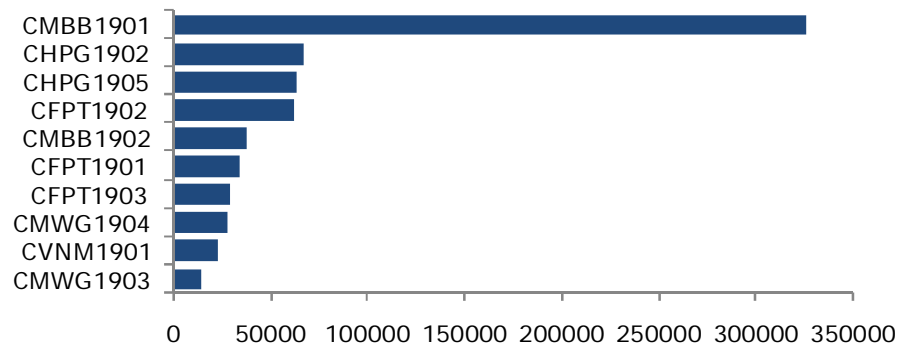
Đồ thị kỹ thuật cổ phiếu FPT
Điều chỉnh kỹ thuật



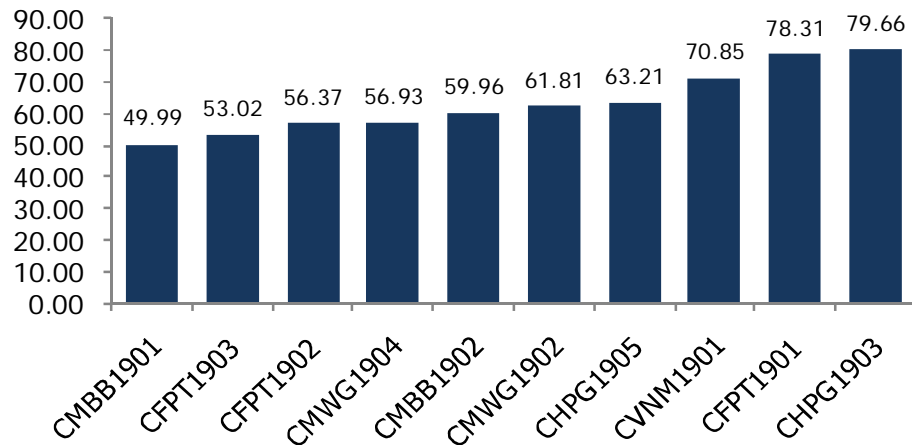
5 MÃ CW CÓ MỨC SINH LỜI T+3 CAO NHẤT

Mã CW	1 ngày (%)	3 ngày (%)	5 ngày (%)	YTD (%)
CMWG1902	0,00	-3,97	-1,77	72,14
CMWG1901	-1,74	-4,70	-7,65	95,00
CHPG1903	-4,49	-5,56	-7,61	-29,17
CHPG1905	-19,15	-5,90	-4,33	-10,31
CFPT1902	-7,03	-5,93	-7,93	-4,80

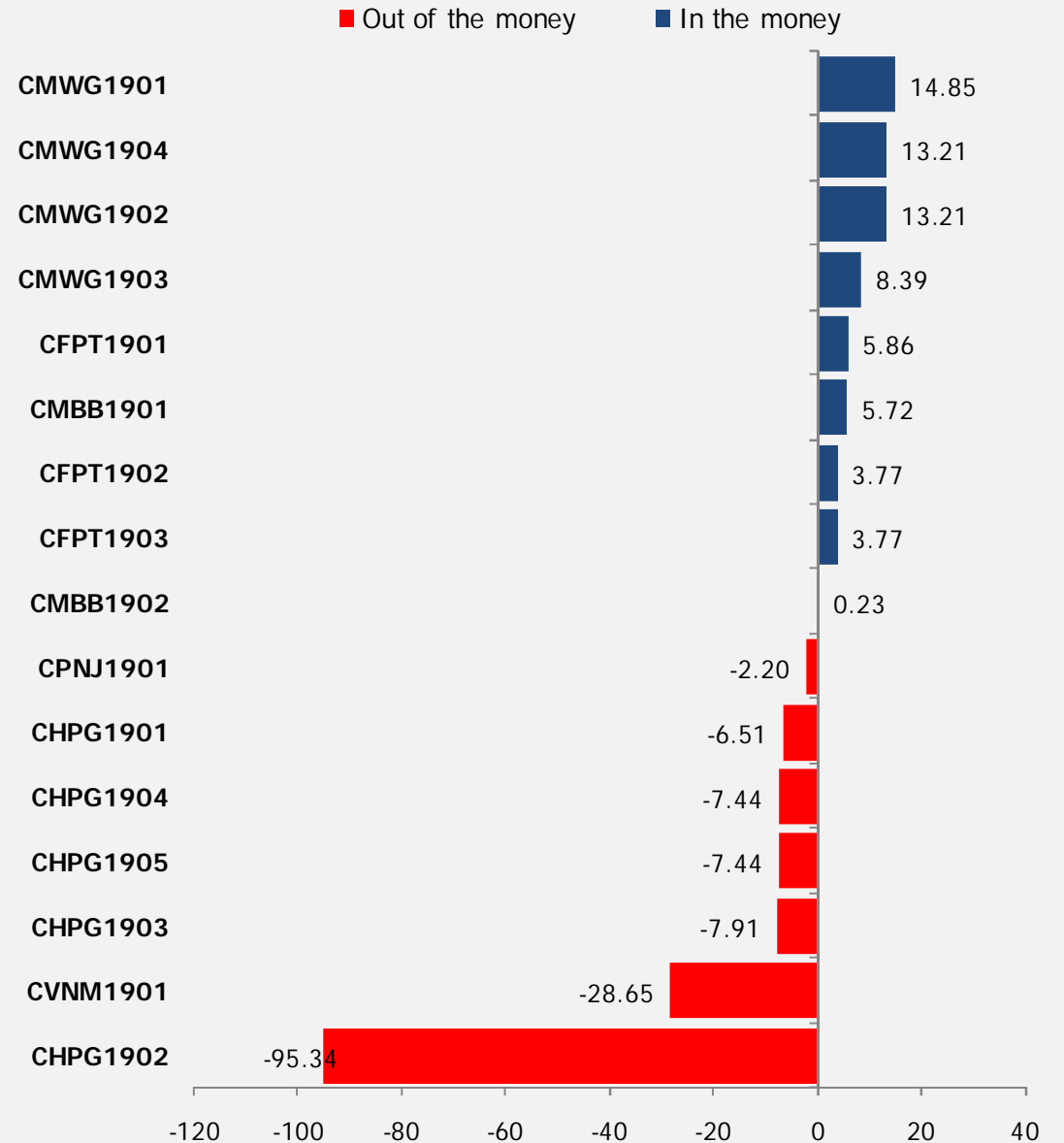
10 MÃ CW CÓ KLGD QUY ĐỔI CPCS CAO NHẤT



10 MÃ CW CÓ ĐỘ BIẾN ĐỘNG NỘI HÀM THẤP NHẤT



TRẠNG THÁI LÃI/LỖ CỦA CW LƯU HÀNH TRÊN THỊ TRƯỜNG



CHUYỂN ĐỘNG COVERED WARRANTS TRONG NGÀY

General Info							Price Guideline					Indicator								
STT	Mã	NPH	CPCS	Tỷ lệ thực hiện	Giá thực hiện	Ngày GD cuối cùng	Giá cơ sở (VND)	+/- %	Giá đóng cửa của CQ	+/- %	Giá lý thuyết theo BS	Trạng thái lãi/lỗ (%)	Đòn bẩy hiệu quả (lần)	Độ nhạy	Delta (%)	Hao mòn thời gian (%/ngày)	Độ biến động nội hàm (%)	Phân bù rủi ro (%)	KLGD	GTGD (Tỷ VND)
No	Code	Issuers	Underlying	Exercise Ratio	Exercise Price	Last trading date	Underlying price		CW Price		Black Scholes fair price	Moneyness	Effective Gearing	Sensitivity	Delta	Time decay per day	Implied Volatility	CW Premium	Volume	Turnover
1	CFPT1901	VND	FPT	2	45.000	9-9-19	47.800	-1,65	2.960	-3,27	1.175	5,86	4,86	0,60	60,19	-0,02	78,31	6,53	67.670	0,20
2	CFPT1902	SSI	FPT	1	46.000	26-9-19	47.800	-1,65	4.760	-7,03	1.905	3,77	5,71	1,14	56,82	-0,01	56,37	6,19	62.370	0,30
3	CFPT1903	SSI	FPT	1	46.000	26-12-19	47.800	-1,65	6.790	-5,56	2.692	3,77	4,08	1,15	57,91	-0,01	53,02	10,44	29.970	0,21
4	CHPG1901	MBS	HPG	2	22.900	6-9-19	21.500	-2,71	1.010	-8,18	133	-6,51	5,07	0,16	47,68	-0,12	88,96	15,91	14.550	0,02
5	CHPG1902	KIS	HPG	5	41.999	9-12-19	21.500	-2,71	490	-5,77	0	-95,34	2,82	0,00	32,16	-2629,73	129,27	106,74	336.400	0,17
6	CHPG1903	VPS	HPG	2	23.200	10-9-19	21.500	-2,71	850	-4,49	109	-7,91	5,64	0,14	44,56	-0,12	79,66	15,81	11.800	0,01
7	CHPG1904	SSI	HPG	1	23.100	26-9-19	21.500	-2,71	1.570	-7,10	-	-7,44	13,69	#DIV/0!	100,00	#VALUE!	0,00	14,74	10.150	0,02
8	CHPG1905	SSI	HPG	1	23.100	26-12-19	21.500	-2,71	2.870	-19,15	814	-7,44	3,83	0,73	51,16	-0,01	63,21	20,79	63.350	0,19
9	CMBB1901	SSI	MBB	1	20.600	12-9-19	21.850	-2,67	2.410	-14,23	1.392	5,72	5,92	1,88	65,25	-0,01	49,99	5,31	325.440	0,83
10	CMBB1902	HSC	MBB	1	21.800	13-12-19	21.850	-2,67	3.240	-6,90	902	0,23	3,88	0,80	57,61	-0,01	59,96	14,60	37.730	0,13

CHUYỂN ĐỘNG COVERED WARRANTS TRONG NGÀY

General Info							Price Guideline					Indicator								
STT	Mã	NPH	CPCS	Tỷ lệ thực hiện	Giá thực hiện	Ngày GD cuối cùng	Giá cơ sở (VND)	+/- %	Giá đóng cửa của CQ	+/- %	Giá lý thuyết theo BS	Trạng thái lãi/lỗ (%)	Đòn bẩy hiệu quả (lần)	Độ nhạy	Delta (%)	Hao mòn thời gian (%/ngày)	Độ biến động nội hàm (%)	Phân bù rủi ro (%)	KLGD	GTGD (Tỷ VND)
No	Code	Issuers	Underlying	Exercise Ratio	Exercise Price	Last trading date	Underlying price		CW Price		Black Scholes fair price	Moneyyness	Effective Gearing	Sensitivity	Delta	Time decay per day	Implied Volatility	CW Premium	Volume	Turnover
11	CMWG1901	BSC	MWG	4	88.300	5-9-19	103.700	-2,17	5.070	-1,74	3.853	14,85	3,88	1,44	75,96	-0,01	85,33	4,71	20.860	0,11
12	CMWG1902	VND	MWG	4	90.000	9-12-19	103.700	-2,17	5.560	0,00	3.575	13,21	3,33	1,15	71,42	0,00	61,81	8,24	16.180	0,09
13	CMWG1903	HSC	MWG	5	95.000	24-12-19	103.700	-2,17	3.990	-6,12	2.086	8,39	3,44	0,69	66,28	0,00	59,66	10,85	71.420	0,30
14	CMWG1904	SSI	MWG	1	90.000	26-12-19	103.700	-2,17	22.030	-2,74	14.451	13,21	3,37	4,69	71,52	0,00	56,93	8,03	28.200	0,62
15	CPNJ1901	MBS	PNJ	5	77.980	6-9-19	76.300	-1,93	2.000	-7,41	341	-2,20	4,20	0,19	54,49	-0,08	103,18	15,17	14.460	0,03
16	CVNM1901	KIS	VNM	10	158.888	11-12-19	123.500	0,00	980	2,08	3	-28,65	4,30	0,00	34,09	-2,01	70,85	36,59	237.440	0,24

Nguồn: Bloomberg

BẢNG CHÚ GIẢI THUẬT NGỮ COVERED WARRANT

Thuật ngữ	Chú giải
Đòn bẩy hiệu quả (Effective Gearing)	Đòn bẩy hiệu quả cho biết thay đổi giá của CW nếu giá tài sản cơ sở thay đổi 1%. Ví dụ một CW có đòn bẩy hiệu quả là 10 lần, có nghĩa là khi giá cổ phiếu cơ sở thay đổi 1%, giá CW sẽ thay đổi xấp xỉ khoảng 10%. Đòn bẩy hiệu quả càng cao, tỷ lệ lãi/lỗ của nhà đầu tư vào CW đó càng lớn.
Độ nhạy (Sensitivity)	Độ nhạy đo lường mức độ dao động giá. Ví dụ một CW có độ nhạy là 2, có nghĩa là khi giá cổ phiếu cơ sở thay đổi 1 bước giá, giá CW sẽ thay đổi khoảng 2 bước giá. CW có độ nhạy càng cao sẽ có mức độ dao động giá càng rộng.
Hao mòn thời gian (Time decay per day)	Giá trị hao mòn thời gian là tỷ lệ mất giá của DW sau một ngày (nếu giả định các yếu tố khác không đổi). Nhà đầu tư nên tránh nắm giữ các DW có tỷ lệ hao mòn thời gian cao trong một thời gian dài.
Độ biến động nội hàm (Implied Volatility)	Độ biến động nội hàm là độ biến động hàm ý bởi mức giá thị trường của một CW. Chỉ số này dùng để so sánh hai CW có cùng cổ phiếu cơ sở. CW có độ biến động nội hàm càng cao thì CW đó càng đắt (nếu giả định các yếu tố khác không đổi).
Phần bù rủi ro (Warrant Premium)	Phần bù rủi ro cho biết mức độ đắt/rẻ nếu mua một CW và chuyển đổi sang cổ phiếu cơ sở so với việc mua một cổ phiếu cơ sở ngay tại thời điểm đó. Phần bù rủi ro của những CW kỳ hạn dài thường cao hơn so với CW kỳ hạn ngắn. Do đó, nhà đầu tư nên dùng phần bù rủi ro để so sánh những CW có kỳ hạn tương đương nhau.
Giá trị nội tại (Intrinsic Value)	Giá trị nội tại là khoản tiền mặt nhà đầu tư sẽ nhận được nếu thực hiện quyền ngay tại thời điểm hiện tại. Giá trị nội tại của CW luôn lớn hơn hoặc bằng 0. Giá trị nội tại chứng quyền Mua = Max ((Giá hiện tại CPCS – Giá thực hiện) * Tỷ lệ thực hiện, 0); Giá trị nội tại chứng quyền Bán = Max ((Giá thực hiện - Giá hiện tại CPCS) * Tỷ lệ thực hiện, 0).
Giá trị thời gian (Time Value)	Giá trị thời gian là mức chênh lệch giữa giá CW trên thị trường và giá trị nội tại. Giá CW = Giá trị nội tại + Giá trị thời gian
Giá lý thuyết theo BS	Mức giá lý thuyết của CW tính theo mô hình Black Scholes continuous của Bloomberg.

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ COVERED WARRANT

1. Xác định điểm chất lượng (Q-score) cho từng chỉ số của mỗi CW

Tiêu chí / Q-score	Không hấp dẫn Q (x) = 0	Ít hấp dẫn Q (x) = 1	Trung lập Q (x) = 2	Tương đối hấp dẫn Q (x) = 3	Hấp dẫn Q (x) = 4	Rất hấp dẫn Q (x) = 5
Đòn bẩy hiệu quả (E)	< 1	1,0 – 2,0	2,0 – 2,5	2,5 – 3,0	3,0 – 4,0	≥ 4
Độ nhạy (S)	< 0,2	0,2 – 0,4	0,4 – 0,7	0,7 – 1,0	1,0 – 1,5	≥ 1,5
Hao mòn thời gian (T)	> 3%	1,5 – 3%	0,75 – 1,5%	0,4 – 0,75%	0,2 – 0,4%	≤ 0,2%
Độ biến động nội hàm (I)	> 100%	85 – 100%	75 – 85%	65 – 75%	55 – 65%	≤ 55%
Phần bù rủi ro (P)	> 20%	16 – 20%	12 – 16%	8 – 12%	4 – 8%	≤ 4%

2. Tổng điểm chất lượng của CW là giá trị trung bình có trọng số của các chỉ số phụ được tính trong bước 1.

	Q (E)	Q (S)	Q (T)	Q (I)	Q (P)
Tổng điểm ngắn hạn	40%	40%	20%	0%	0%
Tổng điểm trung – dài hạn	10%	10%	35%	10%	35%
Tổng điểm chất lượng	20%	20%	20%	20%	20%

3. Đánh giá tổng điểm chất lượng của CW

Diễn giải	
Tổng điểm ngắn hạn	Nếu tổng điểm ngắn hạn >3 , CW phù hợp cho việc nắm giữ trong ngắn hạn (≤ 5 phiên giao dịch)
Tổng điểm trung – dài hạn	Nếu tổng điểm trung – dài hạn >3, CW phù hợp cho việc nắm giữ trong trung và dài hạn (> 5 phiên giao dịch)
Tổng điểm chất lượng	Tổng điểm chất lượng cho biết chất lượng tổng thể của CW

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2019 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

Hotline: **1900 9088**

MBS RESEARCH | BỘ PHẬN CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

Trần Hoàng Sơn	Trưởng bộ phận/Kiểm soát	son.tranhoang@mbs.com.vn
Ngô Quốc Hưng	Chuyên gia Nghiên cứu cao cấp	hung.ngoquoc@mbs.com.vn
Nguyễn Quỳnh Hoa	Chuyên gia Nghiên cứu cao cấp	hoa.nguyenquynh@mbs.com.vn
Phạm Văn Quỳnh	Chuyên viên Nghiên cứu	quynh.phamvan@mbs.com.vn
Nguyễn Hòa Hợp	Chuyên viên Nghiên cứu	hop.nguyenhoa@mbs.com.vn
Nguyễn Thị Hải Hà	Chuyên viên Nghiên cứu	ha.nguyenthihai@mbs.com.vn